

Số: 19/2009/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 10 năm 2009.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định Chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng  
vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng,  
mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

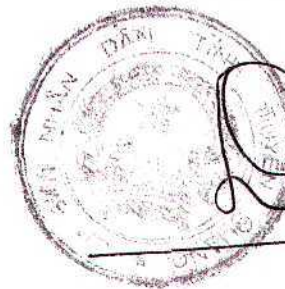
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 26/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã; chủ đầu tư xây dựng công trình; Chủ tịch Hội đồng thẩm định bồi thường giải phóng mặt bằng của tỉnh; Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện, thị xã; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
  - Các Bộ: TN&MT, TP;
  - Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
  - Thường trực Tỉnh ủy;
  - Thường trực HĐND tỉnh;
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - Đoàn Đại biểu Quốc hội địa phương;
  - Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
  - Các Ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
  - Các Huyện, Thị ủy;
  - Như Điều 3;
  - Các Phó VP UBND tỉnh;
  - Trung tâm Công Báo;
  - Trưởng, Phó TP và các CV VP UBND tỉnh;
  - Lưu VT, (Duyệt 130)
- Báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Chiến**

## **QUY ĐỊNH**

**Chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

***(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 29/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)***

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định chính sách hỗ trợ áp dụng khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang khi Nhà nước thu hồi đất, thiệt hại về tài sản gắn liền với đất thu hồi (sau đây gọi chung là người bị thu hồi đất).

2. Chủ đầu tư xây dựng công trình; cơ quan thẩm định phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện và các cơ quan có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

#### **Điều 3: Các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất**

1. Hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở.
2. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp.
3. Hỗ trợ khi thu hồi đất nông nghiệp trong khu dân cư; đất vườn, không được công nhận là đất ở.
4. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn.
5. Hỗ trợ khác.

#### **Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ**

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người bị Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

### **Chương II**

#### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 5. Hỗ trợ di chuyển đối với trường hợp thu hồi đất ở**

1. Khi Nhà nước thu hồi đất ở mà hộ gia đình, cá nhân phải tháo dỡ nhà và di chuyển đến nơi ở mới, thì được xét hỗ trợ di chuyển.

2. Mức hỗ trợ di chuyển:

a) Di chuyển trong tỉnh: 4.000.000 đồng/01 hộ.

b) Di chuyển ra ngoài tỉnh: 6.000.000 đồng/01 hộ.

3. Trường hợp người bị thu hồi đất ở mà không còn chỗ ở khác thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới, được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở. Thời gian hỗ trợ là 06 (sáu) tháng, cụ thể các mức hỗ trợ như sau:

a) Mức hỗ trợ cho hộ gia đình trên địa bàn các xã thuộc huyện là 300.000 đồng/01hộ/tháng,

b) Mức hỗ trợ cho hộ gia đình trên địa bàn thị trấn là 400.000 đồng/01hộ/tháng,

c) Mức hỗ trợ cho hộ gia đình trên địa bàn xã, phường thuộc thị xã Tuyên Quang là 600.000 đồng/01hộ/tháng.

#### **Điều 6. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở**

*X<sup>2</sup> D<sup>19</sup>  
ND 69* { Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở mà tự lo được đất ở thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng 10% giá trị quyền sử dụng đất của 01 (một) lô đất ở được bồi thường tại vị trí bị thu hồi (đối với địa bàn thị trấn và các phường thuộc thị xã Tuyên Quang); bằng 20 % giá trị quyền sử dụng đất của 01 (một) lô đất ở được bồi thường tại vị trí bị thu hồi (đối với địa bàn còn lại) theo hạn mức giao đất tại Quyết định số 66/2005/QĐ-UBND ngày 04/8/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang trừ trường hợp đã được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư quy định tại khoản 1 Điều 19 của Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

## Điều 7. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (kể cả đất vườn, ao và đất nông nghiệp quy định tại Điều 9 của Quy định này) mà diện tích thu hồi không nhỏ hơn 150 m<sup>2</sup> đất chuyên trồng lúa nước hoặc 210 m<sup>2</sup> đất trồng lúa nước còn lại hoặc 300 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất vườn, ao thì được hỗ trợ ổn định đời sống, cụ thể như sau:

a) Thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng quy định tại Điều này được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 06 (sáu) tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 (hai mươi bốn) tháng nếu phải di chuyển chỗ ở.

b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng quy định tại Điều này thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 (mười hai) tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 36 (ba mươi sáu) tháng nếu phải di chuyển chỗ ở.

*K8 020 NĐ-69*  
*Đ/L Luật*  
*Cải tiến.*  
(c) Mức hỗ trợ bằng tiền cho một nhân khẩu có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương tại thời điểm thu hồi đất được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận tương đương 30 (ba mươi) kg gạo tẻ (loại trung bình)/01 tháng, giá hỗ trợ được tính theo thông báo giá của Sở Tài chính, tỉnh Tuyên Quang tại thời điểm thu hồi đất.

2. Tổ chức kinh tế, hộ sản xuất, kinh doanh có đăng ký kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh thì được hỗ trợ bằng tiền. Căn cứ vào thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh để xác định mức hỗ trợ. Mức hỗ trợ tính theo thu nhập sau thuế của 01 (một) năm; phương pháp xác định thu nhập sau thuế của một năm được tính theo mức thu nhập bình quân của 03 (ba) năm liền kề trước thời điểm thu hồi đất (trường hợp thời gian kinh doanh chưa đủ 03 (ba) năm thì tính theo mức thu nhập bình quân của thời gian đã kinh doanh) và phải được cơ quan Thuế sở tại xác nhận, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh dưới 03 (ba) tháng mức hỗ trợ là 10%.

b) Thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh từ 03 (ba) tháng đến dưới 06 (sáu) tháng mức hỗ trợ là 20%.

c) Thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh trên 06 (sáu) tháng mức hỗ trợ là 30%.

3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các Công ty nông, lâm nghiệp (các nông, lâm trường quốc doanh trước đây) khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của Công ty nông, lâm nghiệp đang làm v

hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 80% giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi, nhưng không vượt hạn mức 01 (một) ha đối với đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản; 05 (năm) ha đối với đất trồng cây lâu năm; 10 (mười) ha đối với đất trồng rừng sản xuất.

✓ 4. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất trong thời gian là 01 (một) năm, bao gồm: Hỗ trợ về giống cây trồng cho sản xuất nông nghiệp, giống cho nuôi trồng thủy sản; các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp.

Mức hỗ trợ cụ thể được tính theo định mức kinh tế - kỹ thuật do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Công Thương thông báo theo thời điểm.

### **Điều 8. Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp**

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại Điều 9 của Quy định này mà không có đất để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm theo một trong các hình thức sau:

a) Hỗ trợ bằng tiền với mức bằng 03 (ba) lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức 01 (một) ha đối với đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản, 05 (năm) ha đối với đất trồng cây lâu năm, 10 (mười) ha đối với đất trồng rừng sản xuất.

b) Hỗ trợ một lần bằng một suất đất ở hoặc một suất đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Việc áp dụng theo hình thức này được thực hiện đối với các nơi có điều kiện về quỹ đất ở, quỹ đất sản xuất kinh doanh và người được hỗ trợ có nhu cầu về đất ở hoặc đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp mà giá trị được hỗ trợ theo quy định tại điểm a Điều này lớn hơn hoặc bằng giá trị đất ở hoặc đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; phần giá trị chênh lệch được hỗ trợ bằng tiền.

2. Trường hợp người bị thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều này có nhu cầu được đào tạo, học nghề thì được nhận vào các cơ sở đào tạo nghề của tỉnh và được miễn học phí đào tạo cho một khóa học đối với các đối tượng trong độ tuổi lao động.

**Điều 9. Hỗ trợ khi thu hồi đất nông nghiệp trong khu dân cư; đất vườn, ao không được công nhận là đất ở**

1. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở; đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ; đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở dọc kênh mương và dọc tuyến đường giao thông thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 50% giá đất ở của thửa đất đó theo giá đất ở bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ theo diện tích thực tế thu hồi nhưng tối đa không quá 04 (bốn) lần hạn mức giao đất ở quy định tại Quyết định số 66/2005/QĐ-UBND ngày 04/8/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

2. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng 35% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi theo quy định trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định; diện tích được hỗ trợ theo diện tích thực tế thu hồi nhưng tối đa không quá 04 (bốn) lần hạn mức giao đất ở quy định tại Quyết định số 66/2005/QĐ-UBND ngày 04/8/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 10. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn**

Mức hỗ trợ đất thu hồi thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn bằng giá trị bồi thường của thửa đất đó, được xác định trên cơ sở giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định theo quy định của pháp luật đối với từng vị trí, khu vực tương ứng. Tiền hỗ trợ được nộp vào ngân sách nhà nước và được cấp lại 100% cho ngân sách xã, phường, thị trấn. Số tiền cấp lại chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng và sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn trên cơ sở phải có dự toán ngân sách được lập và phê duyệt theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

**Điều 11. Hỗ trợ khác**

Ngoài việc hỗ trợ theo quy định tại Điều 5, 6, 7, 8, 9 và Điều 10 của Quy định này thì người bị thu hồi đất còn được hưởng những hỗ trợ khác để ổn định đời sống, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ gia đình chính sách: Những hộ gia đình có đối tượng chính sách xã hội thuộc đối tượng quy định tại Nghị định 54/2006/NĐ-CP ngày 26/5/2006 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người hoạt

động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng; Nghị định số 89/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành pháp lệnh sửa đổi bổ sung một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện, thị xã quản lý, xác nhận) phải di chuyển chỗ ở đến nơi ở mới do bị thu hồi đất thì ngoài việc được hỗ trợ di chuyển theo mức quy định tại Điều 7 của Quy định này còn được hỗ trợ thêm 2.000.000 đồng/01hộ.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi từ 30% diện tích đất, có mức sống thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chí hộ nghèo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố trong từng thời kỳ (có tên trong sổ hộ nghèo được Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thị xã quản lý, xác nhận) thì được hỗ trợ một lần để vượt qua hộ nghèo. Mức hỗ trợ: 17.500.000 đồng/01hộ đối với hộ phải di chuyển chỗ ở đến nơi ở mới; 10.000.000 đồng/01hộ đối với hộ bị thu hồi đất nhưng không phải di chuyển chỗ ở.

3. Hỗ trợ mua sắm công cụ lao động cho những lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp sau đào tạo. Mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/01lao động và chỉ được hỗ trợ một lần.

4. Thường di chuyển đúng kế hoạch: các hộ gia đình bị thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở đến nơi ở mới thực hiện di chuyển đúng kế hoạch theo thông báo của Hội đồng bồi thường và tái định cư cấp huyện thì được thưởng di chuyển 5.000.000 đồng/01hộ.

5. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn sống chính từ sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp đang sử dụng mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 và Điều 44, Điều 45, Điều 46 của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, thì được hỗ trợ một lần bằng tiền đối với diện tích đất bị thu hồi; mức hỗ trợ bằng 80% giá đất theo giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định.

### Chương III

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### Điều 12. Xử lý các dự án đang thực hiện

1. Các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, có bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thẩm định và đã trình duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thì vẫn thực hiện theo chính sách hỗ trợ quy định ban hành kèm theo Quyết định số 13/2008/QĐ-UB ngày 26/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Đối với công trình, dự án có vướng mắc thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã nơi có công trình, dự án phải tổng hợp,

báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, cho ý kiến chỉ đạo giải quyết từng trường hợp cụ thể.

2. Các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, có bồi thường, hỗ trợ và tái định cư không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo Quy định này.

### **Điều 13. Điều khoản thi hành**

1. Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm triển khai, thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan phản ánh (bằng văn bản) về Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Chiến**